

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 631/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/05/2021

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Bà Bùi Thị Cẩm Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 22 tháng 4 năm 2021 và ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1502/2020/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2021/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn N.C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Ấp TL, xã Bạch Đằng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Lê N.A, sinh năm 1962

Địa chỉ: aa N.X, Phường 26, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020, bản tự khai và các biên bản phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải do ông Nguyễn N.C trình bày:

Ông C và bà Lê N.A tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bạch Đàn, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé theo giấy chứng nhận kết hôn số 43 ngày 10/12/1993. Thời gian đầu vợ chồng yêu thương, quan tâm lẫn nhau nhưng đến khi các con lớn thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, suy nghĩ lẫn cách sống, thường xuyên lời qua tiếng lại. Ông bà đã ly thân từ tháng 2 năm 2015. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn với nhau được nữa nên ông yêu cầu được ly hôn với bà bà Lê N.A.

- Về con chung: ông và bà Lê N.A có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc L.A sinh ngày 23/5/1980 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Ngọc A.Đ sinh ngày 10/11/1981 (đã trưởng thành), Nguyễn Ngọc H.Y sinh ngày 24/5/1988 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc T.D sinh ngày 02/12/1988 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê N.A có hộ khẩu thường trú và cư ngụ tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn N.C và bà Lê N.A là tranh chấp Ly hôn.

- Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ Khoản 3 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân xã Bạch Đàn, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé cấp ngày 10/12/1993 thể hiện hôn nhân giữa ông Nguyễn N.C và bà Lê N.A là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà A, nhưng bà A đều vắng mặt không lý do. Điều này thể hiện bà A không có thiện chí hòa giải đoàn tụ gia đình, không quan tâm và thờ ơ với tình trạng hôn nhân của mình.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn nhau, cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của ông C là có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương, tôn trọng lẫn

nhau, cùng mong muốn xây dựng hạnh phúc gia đình thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Vì vậy, yêu cầu được ly hôn của ông C là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Ông C và bà Lê N.A có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc L.A sinh ngày 23/5/1980 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Ngọc A.Đ sinh ngày 10/11/1981 (đã trưởng thành), Nguyễn Ngọc H.Y sinh ngày 24/5/1988 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc T.D sinh ngày 02/12/1988 (đã trưởng thành). Tất cả các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn N.C:
 - Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn N.C được ly hôn với bà Lê N.A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 43 do Ủy ban nhân dân xã Bạch Đàn, huyện Tân Uyên, tỉnh Sông Bé cấp ngày 10/12/1993 cho ông Nguyễn N.C và bà Lê N.A hết hiệu lực kể từ ngày ban hành bản án này.

- Về con chung: Ông C và bà A có 04 con chung tên là ông và bà Lê N.A có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Ngọc L.A sinh ngày 23/5/1980 (đã trưởng thành), Nguyễn Thị Ngọc A.Đ sinh ngày 10/11/1981 (đã trưởng thành), Nguyễn Ngọc H.Y sinh ngày 24/5/1988 (đã trưởng thành) và Nguyễn Ngọc T.D sinh ngày 02/12/1988 (đã trưởng thành). Tất cả các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Nguyễn N.C chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0088366 ngày 16/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Ông Nguyễn N.C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTP.HCM
- VKS ND Quận Bình Thạnh.
- THA DS Quận Bình Thạnh;
- UBND xã Bạch Đàn,
- Các đương sự
- LưuVP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Thị Ngọc Yến

